

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2116/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án thực hiện bảo hiểm y tế năm 2010
đối với đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo, cận nghèo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 147/TTr-SLĐTBXH ngày 27/11/2009 về việc đề nghị phê duyệt Phương án thực hiện bảo hiểm y tế năm 2010 đối với đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo, cận nghèo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án thực hiện bảo hiểm y tế năm 2010 đối với đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo, cận nghèo; cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG:

Đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo, cận nghèo thuộc diện thực hiện bảo hiểm y tế năm 2010, bao gồm 6 nhóm đối tượng theo quy định tại các khoản: 10, 11, 13, 14, 17 và khoản 20, Điều 1 Thông tư Liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế; cụ thể chia ra theo từng diện đối tượng như sau:

1. Cựu chiến binh đã tham gia kháng chiến từ ngày 30/4/1975 trở về trước theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh; thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống pháp theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (sau đây gọi tắt là Cựu chiến binh và Thanh niên xung phong).

2. Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước là các đối tượng quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà

nước và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (sau đây gọi tắt là Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ).

3. Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng là các đối tượng quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là đối tượng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng).

a) Nhóm đối tượng do xã, phường quản lý theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ gồm các đối tượng quy định tại: Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6; trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi được gia đình, cá nhân quy định tại Khoản 7 nuôi dưỡng; người tàn tật trong hộ gia đình quy định tại Khoản 8; trẻ em là con của người đơn thân quy định tại Khoản 9 Điều 4.

b) Nhóm đối tượng bảo trợ xã hội hiện đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trung tâm Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh.

4. Người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là người thuộc diện nghèo và dân tộc thiểu số vùng khó khăn); Trong đó bao gồm:

- Những người thuộc hộ gia đình đã thoát nghèo năm 2008, 2009.

- Những người thuộc hộ gia đình nghèo đến cuối năm 2009 (bao gồm số thuộc diện nghèo cũ và số thuộc diện mới phát sinh trong năm 2009 qua điều chỉnh tăng giảm hộ nghèo cuối năm 2009).

- Người dân tộc thiểu số đang sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn ở tỉnh ta là những người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại 68 xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và 21 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 113/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 và Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Trẻ em dưới 6 tuổi: Là trẻ em tính đến thời điểm 01/01/2010 chưa đủ 72 tháng tuổi.

6. Người thuộc hộ gia đình cận nghèo:

Là những người ở khu vực nông thôn có mức thu nhập từ trên 200.000 đồng đến 260.000 đồng/người/tháng, khu vực thành thị có mức thu nhập từ 260.000 đồng đến 338.000 đồng/người/tháng qua kết quả rà soát và chốt danh sách ở thời điểm cuối năm 2009 (theo Thông tư số 25/2008/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Chi tiết theo từng diện đối tượng đối với từng địa phương tại Phụ lục 01 kèm theo.

II. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN:

1. Đóng 100% mệnh giá bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Cựu chiến binh và Thanh niên xung phong; Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ; Đối tượng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng; Người thuộc diện nghèo và dân tộc thiểu số vùng khó khăn; Trẻ em dưới 6 tuổi quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Mục I Điều này.

2. Hỗ trợ mức đóng 50% mệnh giá bảo hiểm y tế cho đối tượng người thuộc hộ gia đình cận nghèo quy định tại Khoản 6 Mục I Điều này.

3. Mệnh giá đóng bảo hiểm y tế và quyền lợi của đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ mức đóng 50% mệnh giá mua thẻ BHYT thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Thời hạn hiệu lực của Thẻ bảo hiểm y tế là 12 tháng (từ 01/01/2010 đến 31/12/2010).

III. NGUỒN KINH PHÍ:

Nguồn kinh phí thực hiện bảo hiểm y tế cho đối tượng theo Quyết định này do ngân sách địa phương năm 2010 đảm bảo; Cụ thể như sau:

- Kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Cựu chiến binh và Thanh niên xung phong; Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ; Đối tượng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng hiện đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trung tâm Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh từ **nguồn đảm bảo xã hội của tỉnh** được giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ về cho các huyện, thành phố và các cơ sở bảo trợ xã hội để thực hiện đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng thuộc đơn vị, địa bàn quản lý.

- Kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm a, Khoản 3 Mục I Điều này được lấy từ nguồn **đảm bảo xã hội của các huyện, thành phố** theo phân cấp quản lý hiện hành của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước. UBND các huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện theo số lượng đối tượng thuộc địa bàn quản lý.

- Kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Người thuộc diện nghèo và dân tộc thiểu số vùng khó khăn; Trẻ em dưới 6 tuổi và người thuộc hộ gia đình cận nghèo từ **nguồn ngân sách tỉnh**; Sở Tài chính có trách nhiệm chuyển vào quỹ bảo hiểm y tế trên cơ sở số thẻ bảo hiểm y tế đã phát hành được Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp và đề nghị hàng quý, năm.

Kế hoạch kinh phí thực hiện theo phụ lục 02 kèm theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

- Hướng dẫn các huyện, thành phố về đối tượng, trình tự, thủ tục lập danh sách đối tượng thuộc diện để mua Thẻ Bảo hiểm y tế.

- Giao dự toán kinh phí phần được giao cho huyện, thành phố để đóng bảo hiểm y tế cho Cựu chiến binh và Thanh niên xung phong; Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ và giao cho Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội để trực tiếp đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng hiện đang được nuôi dưỡng tại các Trung tâm thuộc tỉnh quản lý.

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và Bảo hiểm xã hội hướng dẫn UBND các huyện, thành phố thực hiện Quyết định này và đơn đốc, kiểm tra giám sát việc thực hiện ở các huyện, thành phố; đồng thời tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

2. Sở Y tế:

- Chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe và khám, chữa bệnh đối với các đối tượng có Thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp cùng Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn, tuyên truyền việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho đối tượng theo Quyết định này nói riêng và các đối tượng thực hiện bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật nói chung.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí, cấp kinh phí cho các ngành, địa phương đóng BHYT cho đối tượng cựu chiến binh và thanh niên xung phong; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ; đối tượng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng; trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo và dân tộc thiểu số vùng khó khăn quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Mục I Điều này và hỗ trợ mức đóng 50% mệnh giá bảo hiểm y tế cho người cận nghèo quy định tại Khoản 6 Mục I Điều này.

- Hướng dẫn các ngành, địa phương cấp phát, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Nhà nước và số lượng đối tượng thực tế thực hiện bảo hiểm y tế.

- Vào đầu mỗi quý, căn cứ vào số thẻ BHYT đã phát hành, số tiền đóng BHYT cho đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo và dân tộc thiểu số vùng khó khăn, số tiền đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo do Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp và đề nghị, Sở Tài chính chuyển kinh phí vào quỹ BHYT theo quy định tại Khoản 9, Điều 3 Thông tư 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

- Chịu trách nhiệm in ấn, phát hành thẻ bảo hiểm y tế trên cơ sở danh sách đối tượng quy định tại Quyết định này do UBND huyện, thành phố cung cấp trước ngày 25/12/2009 và gửi lại cho địa phương để cấp phát cho đối tượng đảm bảo được thụ hưởng chính sách bảo hiểm y tế từ ngày 01/01/2010.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn các địa phương trong việc cung cấp danh sách đối tượng thuộc diện đóng bảo hiểm y tế, tổ chức tuyên truyền việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho đối tượng theo Quyết định này nói riêng và các đối tượng thực hiện bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật nói chung.

- Căn cứ số Thẻ bảo hiểm y tế đã phát hành cho các đối tượng: Người thuộc diện nghèo và dân tộc thiểu số vùng khó khăn; Trẻ em dưới 6 tuổi và người thuộc hộ gia đình cận nghèo, tổng hợp gửi Sở Tài chính để chuyển kinh phí vào Quỹ bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 3 Thông tư 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính.

5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Có nhiệm vụ rà soát, thống kê và chốt danh sách đối tượng, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối tượng, đảm bảo những người được thụ hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định này là đối tượng thuộc diện quy định của Nhà nước; gửi danh sách đối tượng theo Quyết định này thuộc địa bàn quản lý cho Bảo hiểm xã hội cùng cấp **trước ngày 05/12/2009** để in ấn, phát hành Thẻ, đồng thời tiếp nhận, cấp phát Thẻ cho đối tượng **trước ngày 01/01/2010**, tuyệt đối không được để tồn đọng Thẻ BHYT tại xã, thôn.

- Tiếp nhận kinh phí do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (phần đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng Cựu chiến binh và Thanh niên xung phong; Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ) giao dự toán cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện, thành phố, trực tiếp đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Cựu chiến binh và Thanh niên xung phong; Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ và đối tượng quy định tại tiết a, Khoản 3 Mục I Điều này.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát và chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn, tổ chức thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho đối tượng thuộc diện của phương án này.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các ngành, địa phương phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp) để giải quyết.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Sơn

PHỤ LỤC 01
Kế hoạch thực hiện BHYT năm 2010 cho đối tượng Bảo trợ xã hội,
người nghèo và người cận nghèo.
(Kèm theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Huyện, thành phố	Tổng cộng	1. Cựu chiến binh và thanh niên xung phong	2. Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ	3. Đối tượng bảo trợ xã hội hàng tháng	4. Người thuộc diện nghèo và DTTS vùng khó khăn	5. Trẻ em dưới 6 tuổi	6. Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	21.091	50		882	7.013	9.564	3.582	
2	Bình Sơn	62.211	265	1.002	4.495	35.422	13.872	7.155	
3	Sơn Tịnh	37.236	233	50	3.784	15.020	14.794	3.355	
4	Tur Nghĩa	35.334	59		3.026	16.120	12.510	3.619	
5	Nghĩa Hành	42.912	527	160	2.600	19.500	11.500	8.625	
6	Mộ Đức	44.738	150		3.200	22.020	10.927	8.441	
7	Đức Phổ	44.497	175		3.428	21.492	14.296	5.106	
8	Lý Sơn	7.160	10		1.132	3.463	1.832	723	
9	Trà Bồng	28.291	7		823	21.550	3.410	2.501	
10	Sơn Hà	64.004	300	295	2.096	52.085	7.615	1.613	
11	Sơn Tây	17.048	0		378	12.708	2.708	1.254	
12	Minh Long	15.097	0		675	11.608	1.163	1.651	
13	Ba Tư	52.239	83	2.332	2.055	38.653	5.863	3.253	
14	Tây Trà	16.516	0	550	521	12.445	3.000	0	
15	Trung tâm GD-LĐXH	25			25				
16	Trung tâm bảo trợ XH	87			87				
	Tổng cộng	488.486	1.859	4.389	29.207	289.099	113.054	50.878	

PHỤ LỤC 02
Kế hoạch kinh phí thực hiện BHYT năm 2010 cho đối tượng Bảo trợ xã hội, người nghèo và người cận nghèo.
(Kèm theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Huyện, thành phố	Tổng cộng	Đơn vị tính: Triệu đồng													
			1. Cựu chiến binh và thanh niên xung phong	2. Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ	3. Đối tượng bảo trợ xã hội hàng tháng	4. Người thuộc diện nghèo và DTTS vùng khó khăn	5. Trẻ em dưới 6 tuổi	6. Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Ghi chú							
1	Tp. Quảng Ngãi	6.701,12	17,55		309,58	2.461,56	3.356,96	555,46								
2	Bình Sơn	20.451,77	93,02	351,70	1.577,75	12.433,12	4.869,07	1.127,11								
3	Sơn Tịnh	12.447,99	81,78	17,55	1.328,18	5.272,02	5.192,69	555,76								
4	Tur Nghĩa	11.716,13	20,71	56,16	1.062,13	5.658,12	4.391,01	584,17								
5	Nghĩa Hành	13.366,83	184,98		912,60	6.844,50	4.036,50	1.332,10								
6	Mộ Đức	14.069,73	52,65		1.123,20	7.729,02	3.835,38	1.329,48								
7	Đức Phổ	14.622,24	61,43		1.203,23	7.543,69	5.017,90	796,00								
8	Lý Sơn	2.422,97	3,51		397,33	1.215,51	643,03	163,58								
9	Trà Bồng	9.474,56	2,46		288,87	7.564,05	1.196,91	422,27								
10	Sơn Hà	22.146,84	105,30	103,55	735,70	18.281,84	2.672,87	247,60								
11	Sơn Tây	5.736,85			132,68	4.460,51	950,51	193,16								
12	Minh Long	4.977,44			236,93	4.074,41	408,21	257,90								
13	Ba Tơ	17.702,47	29,13	818,53	721,31	13.567,20	2.057,91	508,39								
14	Tây Trà	5.797,12		193,05	182,87	4.368,20	1.053,00									
15	Trung tâm GD-LĐXH	8,78			8,78											
16	Trung tâm Bảo trợ	30,54			30,54											
Tổng cộng		161.673,37	652,51	1.540,54	10.251,66	101.473,75	39.681,95	8.072,96								

Mệnh giá thẻ BHYT: 4,5 x 650.000 x 12 tháng.